

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 84./QĐ-SIU, ngày 02 tháng 5 năm 2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn)

<b>Tên chương trình:</b>	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
<b>Trình độ đào tạo:</b>	Thạc sĩ
<b>Chuyên ngành đào tạo:</b>	Quản trị kinh doanh
<b>Mã ngành:</b>	60340102
<b>Chương trình giảng dạy bằng:</b>	Tiếng Việt
<b>Loại hình đào tạo:</b>	Chính quy

### 1. Mục tiêu đào tạo:

#### 1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo những người có phẩm chất chính trị vững vàng, nắm vững lý thuyết, có năng lực chuyên môn sâu về quản trị kinh doanh đặc biệt là quản trị kinh doanh quốc tế, thông thạo tiếng Anh trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, có kỹ năng thực hành ở mức độ thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành học để trở thành những cán bộ có năng lực nghiên cứu và giảng dạy tại các trường đại học và cao đẳng thuộc khối ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh hoặc tổ chức, điều hành và quản lý các lĩnh vực quản trị kinh doanh trong bối cảnh khu vực hoá và toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới.

Xây dựng một nền tảng kiến thức vững chắc để tiếp tục tự đào tạo, phát triển năng lực cá nhân và nâng cao khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

Chương trình đào tạo này đảm bảo tính liên thông với chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn và các trường có cùng ngành đào tạo và giúp cho học viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục theo học chương trình đào tạo tiến sĩ ở các trường đại học trong và ngoài nước.

#### 1.2 Mục tiêu cụ thể chương trình đào tạo (Programme Objectives - POs):

- PO1: Mở rộng, nâng cao và cập nhật cho học viên các kiến thức cơ sở đã được giảng dạy ở bậc đại học về quản trị kinh doanh

- PO2: Trang bị theo hướng chuyên sâu cho học viên một lượng kiến thức chuyên ngành cần thiết, đặc biệt kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh. Trong đó dành một thời lượng hợp lý để học viên giải quyết những bài tập tình huống và các vấn đề thực tiễn

của các doanh nghiệp.

- PO3: Học viên thành thạo các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành tốt

- PO4: Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với các vấn đề về kinh doanh và quản lý, đặc biệt là những vấn đề về quản trị doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế.

- PO5: Phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập của học viên đối với các vấn đề kinh doanh và quản lý đồng thời nâng cao kỹ năng ứng dụng, để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- PO6: Đảm nhận được trọng trách về quản trị kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động trong môi trường kinh doanh của Việt Nam và quốc tế.

- PO7: Nghiên cứu, hoạch định chính sách và chiến lược kinh doanh ở các viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý nhà nước và tham gia lập dự án, thẩm định các dự án kinh doanh quốc tế của các tổ chức kinh tế quốc tế.

- PO8: Có thể tiếp tục nghiên cứu để giảng dạy chuyên sâu về quản trị kinh doanh ở bậc đại học.

- PO9: Tiếp tục tham gia đào tạo ở bậc tiến sĩ ở trong và ngoài nước về chuyên ngành quản trị kinh doanh, quản trị kinh doanh quốc tế.

- PO10: Học viên xây dựng và phát triển tinh thần đồng đội thông qua làm việc nhóm.

#### **Chuẩn đầu ra:**

<b>STT</b>	<b>Chuẩn đầu ra</b>
<b>1. Kiến thức</b>	
PLO1	Nắm vững kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc Ngành quản trị kinh doanh.
PLO2	Hiểu rõ kiến thức về lý thuyết kinh tế cả vi mô, cả vĩ mô và quản lý; ứng dụng kiến thức tài chính và kế toán để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý; hiểu và hệ thống hóa, vận dụng vào thực tiễn kiến thức trong kinh tế và kinh doanh
PLO3	Vận dụng kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh trong tổ chức, nâng cao hiệu quả công tác quản trị; lãnh đạo, điều hành doanh nghiệp hoạt động và phát triển bền vững trong môi trường cạnh tranh, hội nhập kinh tế quốc tế và cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư.
PLO4	Ứng dụng kiến thức về môi trường luật pháp, văn hóa, xã hội và đạo đức để thay đổi các chiến lược kinh doanh thích hợp trước những biến đổi của môi trường.

STT	Chuẩn đầu ra
PLO5	Phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.
<b>2. Kỹ năng</b>	
PLO6	Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.
PLO7	Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.
PLO8	Có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.
PLO9	Có trình độ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.
<b>3. Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm</b>	
PLO10	Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng, đổi mới và sáng tạo trong quản trị, điều hành doanh nghiệp và khuyến khích, động viên, hỗ trợ người khác cùng sáng tạo, đổi mới
PLO11	Có khả năng thích nghi với môi trường, hoàn cảnh, điều kiện, tự định hướng và hướng dẫn người khác.
PLO12	Có khả năng nhận xét, phân tích một cách khoa học, logic, đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.
PLO13	Có năng lực quản lý, điều hành, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

## 2. Ma trận mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo												
	Kiến thức					Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm			
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13
PO1	x	x				x				x			
PO2	x	x	x	x									
PO3									x				
PO4			x	x	x			x		x		x	x
PO5				x				x		x			

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo												
	Kiến thức					Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm			
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13
PO6			x	x	x		x				x		x
PO7			x		x							x	x
PO8	x	x				x					x		
PO9								x		x			x
PO10						x				x	x		

- 3. Thời gian đào tạo: 02 năm
- 4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 60 tín chỉ
- 5. Tiêu chí tuyển sinh:
  - 5.1. Đối tượng tuyển sinh: Áp dụng theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo.
  - 5.2. Hình thức tuyển sinh: Cập nhật hằng năm theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn, căn cứ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- 6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Áp dụng theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo.
- 7. Phương thức đánh giá: theo Quy chế Đào tạo của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.
- 8. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần):
  - 8.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ.

Bảng phân bố các khối kiến thức:

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỉ lệ %
1. Kiến thức chung	6	10.00%
2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	43	71.66%
3. Chuyên đề	1	1.67%
4. Luận văn tốt nghiệp	10	16.67%
<b>Tổng cộng:</b>	<b>60</b>	<b>100%</b>

**8.2 Khung chương trình đào tạo**

Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng tín chỉ (TC)		
		Tổng số	LT	TH
<b>PHẦN KIẾN THỨC CHUNG</b>		<b>6</b>	<b>6</b>	
MBA6000	Triết học	3	3	
MBA6001	Tiếng Anh chuyên ngành	3	3	

<b>PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ &amp; CHUYÊN NGÀNH</b>		<b>43</b>		
<b>MÔN BẮT BUỘC</b>		<b>23</b>	<b>22</b>	<b>1</b>
MBA6002	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
MBA6006	Kinh tế quốc tế	3	3	0
MBA6003	Quản trị chiến lược (nâng cao)	3	3	0
MBA6004	Quản trị dự án	3	3	0
MBA6005	Quản trị sản xuất & tác nghiệp (nâng cao)	3	3	0
MBA6007	Kế toán quản trị	3	3	0
MBA6008	Quản trị tài chính doanh nghiệp (nâng cao)	3	3	0
MBA6009	Quản trị Marketing (nâng cao)	3	3	0
<b>MÔN TỰ CHỌN</b>		<b>20</b>		
MBA6010	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3	3	0
MBA6011	Toàn cầu hóa kinh tế và chính sách kinh tế đối ngoại Việt Nam	2	2	0
MBA6012	Thương mại điện tử	3	3	0
MBA6013	Đạo đức kinh doanh & Văn hóa doanh nghiệp	2	2	0
MBA6014	Quản trị thay đổi & rủi ro	3	3	0
MBA6015	Phân tích định lượng	3	2	1
MBA6016	Quản trị nguồn nhân lực	3	3	0
MBA6017	Luật thương mại quốc tế	2	1	1
MBA6018	Giao tiếp và đàm phán kinh doanh quốc tế	2	1	1
MBA6019	Quản trị chất lượng	3	3	0
MBA6020	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	3	0
MBA6021	Tài chính quốc tế	3	3	0
MBA6022	<b>3 CHUYÊN ĐỀ</b>	<b>1</b>		<b>1</b>
	Leadership			
	M&A, các công cụ tài chính và thuế trong quản trị doanh nghiệp			
	Hội nhập kinh tế quốc tế (khu vực mậu dịch tự do, mở cửa thị trường, đầu tư trực tiếp nước ngoài, các nguồn vốn đầu tư nước ngoài đối với Việt Nam)			

	Quản trị truyền thông và xây dựng thương hiệu doanh nghiệp			
MBA6023	<b>LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b>		<b>10</b>	
<b>Tổng số</b>			<b>60</b>	

### 8.3 Kế hoạch giảng dạy dự kiến:

SỐ TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ SỐ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
<b>Học kỳ I</b>			<b>20</b>	
<b>Các môn thuộc phần kiến thức chung</b>			<b>6</b>	
1	Triết học	MBA6000	3	
2	Tiếng Anh chuyên ngành	MBA6001	3	
<b>Các môn kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>			<b>14</b>	
<b>Các môn bắt buộc</b>			<b>8</b>	
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	MBA6002	2	
4	Quản trị chiến lược (nâng cao)	MBA6003	3	
5	Quản trị dự án	MBA6004	3	
6	<b>Các môn tự chọn</b> ( <i>Học viên chọn 06 tín chỉ</i> )		<b>6</b>	
6.1	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	MBA6010	3	
6.2	Thương mại điện tử	MBA6012	3	
6.3	Quản trị chất lượng	MBA6019	3	
<b>Học kỳ II</b>			<b>17</b>	
<b>Các môn bắt buộc</b>			<b>9</b>	
1	Quản trị tài chính doanh nghiệp (nâng cao)	MBA6008	3	
2	Quản trị Marketing (nâng cao)	MBA6009	3	
3	Quản trị sản xuất & tác nghiệp (nâng cao)	MBA6005	3	

SỐ TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ SỐ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
4	<b>Các môn tự chọn</b> ( <i>Học viên chọn 08 tín chỉ</i> )		<b>8</b>	
4.1	Quản trị kinh doanh quốc tế	MBA6020	3	
4.2	Tài chính quốc tế	MBA6021	3	
4.3	Toàn cầu hóa kinh tế và chính sách kinh tế đối ngoại Việt Nam	MBA6011	2	
4.4	Đạo đức kinh doanh & Văn hóa doanh nghiệp	MBA6013	2	
4.5	Luật thương mại quốc tế	MBA6017	2	
4.6	Giao tiếp và đàm phán kinh doanh quốc tế	MBA6018	2	
<b>Học kỳ III</b>			<b>13</b>	
<b>Các môn kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>			<b>7</b>	
1	Kinh tế quốc tế	MBA6006	3	
2	Kế toán quản trị	MBA6007	3	
3	Chuyên đề	MBA6022	1	
	Leadership			
	M&A, các công cụ tài chính và thuế trong quản trị doanh nghiệp			
	Hội nhập kinh tế quốc tế (khu vực mậu dịch tự do, mở cửa thị trường, đầu tư trực tiếp nước ngoài, các nguồn vốn đầu tư nước ngoài đối với Việt Nam)			
	Quản trị truyền thông và xây dựng thương hiệu doanh nghiệp			
4	<b>Các môn tự chọn</b> ( <i>Học viên chọn 06 tín chỉ</i> )		<b>6</b>	
4.1	Phân tích định lượng	MBA6015	3	
4.2	Quản trị nguồn nhân lực	MBA6016	3	
4.3	Quản trị thay đổi & rủi ro	MBA6014	3	

SỐ TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ SỐ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
<b>Học kỳ IV</b>			<b>10</b>	
<b>Luận văn thạc sĩ</b>		MBA6023	<b>10</b>	

**9. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:**

(Mức độ áp ứng: 1: Không đóng góp; 2: Đóng góp dưới trung bình; 3. Đóng góp trung bình; 4: Đóng góp trên trung bình; 5: Đóng góp cao)

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo												
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13
<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUNG</b>													
Triết học	3	3		3						3			3
Tiếng Anh học thuật	3							4	4		4		
<b>KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH</b>													
<b>Bắt buộc</b>													
Quản trị sản xuất và tác nghiệp (nâng cao)	4	3		4		4							3
Quản trị chiến lược (nâng cao)	4		4	4	4		4			3	3		4
Kinh tế quốc tế	4	4			3								4
Quản trị marketing (nâng cao)		3	4				4			3	3		4
Quản trị dự án		4	3			4	4			3	4	4	4
Quản trị tài chính doanh nghiệp (nâng cao)		4	4		4	4	4			3			4
Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	4					4						4
Kế toán quản trị		4	4	3		4	4			3			4
<b>Tự chọn (chọn 02 học phần)</b>													
Quản trị thay đổi & rủi ro		4	4		4					3			4
Toàn cầu hóa kinh tế và chính sách kinh tế đối ngoại Việt Nam		4	3	4			4		4	3			4
Thương mại điện tử		4				4	4		4	3	4	4	4
Quản trị nguồn nhân lực	4	3		4		3							3
Đạo đức kinh doanh & văn hóa doanh nghiệp		4		4						5	3	4	
Quản trị logistics và chuỗi cung ứng		4	4		4		4					3	4
Quản trị chất lượng		4	4		4	4	4			3		4	3
Luật thương mại quốc tế			4				4				3		4

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo												
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13
Giao tiếp và đàm phán kinh doanh quốc tế		4	4		4	4	4		4	3		4	3
Quản trị kinh doanh quốc tế			4				4		4		3		4
Tài chính quốc tế		4	3			4	4		4	3	4	4	4
Phân tích định lượng		4	3			4	4			3	4	4	4
<b>CHUYÊN ĐỀ</b>													
Leadership		3			4					4			
M&A, các công cụ tài chính và thuế trong quản trị doanh nghiệp		3		4	4			4		4			
Hội nhập kinh tế quốc tế (khu vực mậu dịch tự do, mở cửa thị trường, đầu tư trực tiếp nước ngoài, các nguồn vốn đầu tư nước ngoài đối với Việt Nam)			3				4		4		4		4
Quản trị truyền thông và xây dựng thương hiệu doanh nghiệp		3					4				3		
<b>LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b>													
Luận văn tốt nghiệp	4	4	4	3	5		4				4		5

## 10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của nhà trường
- Các học phần được phân công giảng dạy bởi Khoa và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt
- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo Quy chế học vụ và các quy chế, quy định có liên quan của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

## 11. Mô tả văn tắt nội dung và khối lượng các học phần:

### 11.1. Triết học

Đây là môn học bắt buộc do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Môn học đề cập những nội dung ở bậc đại học chưa được học hoặc mới học ở dạng đại cương. Cụ thể, chương đầu tiên giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học (khái luận về triết học); 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan, phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn, và lý luận nhận thức (bản thể luận, phép biện chứng, nhận thức luận);

4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (học thuyết

hình thái kinh tế - xã hội, triết học chính trị, ý thức xã hội, triết học về con người).

### **11.2. Tiếng Anh chuyên ngành**

- Cung cố những kiến thức ngữ pháp cơ bản đã học ở chương trình đào tạo cử nhân, cung cấp bổ sung cho học viên vốn từ vựng và kiến thức của tiếng Anh trong kinh doanh và thương mại. Nội dung bao gồm nhiều chủ đề khác nhau: Các loại hình công ty và tổ chức công ty, các lĩnh vực hoạt động kinh doanh như tài chính, ngân hàng, marketing, thương mại quốc tế...

- Luyện nâng cao các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết cho từng học viên so với chương trình đã học ở bậc cử nhân. Bốn kỹ năng trên được vận dụng tùy theo từng chủ đề và đạt chuẩn đầu ra theo qui định.

### **11.3. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Nội dung của học phần bao gồm trình bày lý luận về phương pháp nghiên cứu khoa học để các học viên cao học có được kiến thức và kỹ năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học (dành cho cấp học tương ứng) và thực hiện đề tài luận văn thạc sỹ. Ngoài việc giới thiệu cho người học những kiến thức chung về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, học phần trình bày các phương pháp tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài nghiên cứu, phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu trong lĩnh vực QTKD. Cuối cùng, học phần giới thiệu những khuôn mẫu chung và những quy định hiện hành ở Việt Nam về trình bày Báo cáo khoa học của đề tài nghiên cứu khoa học và Luận văn thạc sỹ. Ở mỗi chương đều có phần thực hành rèn luyện các kỹ năng thông qua việc sử dụng các kiến thức của chương để thực hiện một số công việc có liên quan đến viết luận văn thạc sỹ

### **11.4. Kinh tế quốc tế**

Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức đầy đủ về:

Bản chất của nền kinh tế thế giới, phân tích được cơ sở mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể kinh tế quốc tế; Phân tích các vấn đề có tính toàn cầu và cách thức giải quyết các vấn đề đó; các xu hướng của nền kinh tế thế giới. Qua đó, học viên cũng nắm vững phương thức và thực hiện được các giao dịch trong thương mại quốc tế; Tính toán lợi ích của quốc gia khi tham gia vào thương mại quốc tế; Biết rõ cách sử dụng các công cụ trong thương mại quốc tế và phân tích các tác động của nó đến nền Việt Nam và địa phương.

Xác định được dòng di chuyển quốc tế các nguồn lực như vốn tư bản, nguồn lao động. Từ đó, người học tiếp cận và xây dựng được ý thức, hành động tham gia vào chu trình vận chuyển này.

Nắm vững cấu trúc của cán cân thanh toán quốc tế (thặng dư và thâm hụt cán cân); các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối; quy đổi giá cả các loại tiền tệ trên thế giới.

Nắm vững tác động của việc hội nhập kinh tế quốc tế; các loại hình liên kết trên thế giới và mức độ của Việt Nam khi tham gia vào liên kết và hội nhập; Nắm vững quá trình hình thành, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động của các liên kết kinh tế và tổ chức kinh tế quốc tế tiêu biểu: ASEAN, APEC, EU, WTO, WB, IMF..., mối quan hệ giữa các tổ chức

này với VN.

### **11.5. Quản trị dự án**

Môn học Quản trị dự án nâng cao sẽ cung cấp cho học viên:

Kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và soạn thảo một dự án đầu tư; đặc điểm, nội dung cơ bản của một dự án đầu tư, các nguồn vốn huy động, chu kỳ dự án và phân loại các dự án đầu tư để phục vụ cho quản lý dự án;

Các nội dung cơ bản của công tác quản trị dự án đầu tư; Tìm hiểu sâu hơn về cách phân tích hiệu quả tài chính dự án đầu tư thông qua việc tính toán một số chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tài chính cơ bản từ đó so sánh, lựa chọn phương án đầu tư phù hợp;

Hướng dẫn cách xây dựng một sơ đồ mạng công việc trong quản lý tiến độ dự án để từ đó tìm ra được phương án kết hợp tốt nhất giữa thời gian và chi phí của dự án;

Tìm hiểu và nhận diện các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện dự án để kiểm soát và quản lý rủi ro một cách tốt nhất.

### **11.6. Quản trị chiến lược nâng cao**

Môn học này giúp học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị chiến lược trong doanh nghiệp; Có kỹ năng xây dựng, phân tích, lựa chọn chiến lược và tổ chức, thực hiện chiến lược của công ty trong môi trường kinh doanh bất định và toàn cầu.

Trên cơ sở các kiến thức khung cơ bản về Quản trị chiến lược đã được trang bị trong chương trình đào tạo cử nhân. Học phần Quản trị chiến lược nâng cao đi sâu vào những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về quản trị chiến lược như: xác định lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, các giá trị cốt lõi và tầm nhìn của doanh nghiệp; hình thành mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp để thực hiện sứ mệnh trong chu kỳ chiến lược; đánh giá thế và lực của doanh nghiệp trong chu kỳ chiến lược; phát hiện thời cơ chiến lược của doanh nghiệp; thực thi chiến lược hướng đích thông qua chuỗi các biện pháp: thay đổi tổ chức; thiết lập hệ thống khuyến khích và trợ lực; phát triển văn hóa mạnh; nhận thức và phản ứng với những thay đổi và sai lệch chiến lược.

### **11.7. Quản trị sản xuất và tác nghiệp**

Quản trị tác nghiệp và điều hành hay Quản trị vận hành giúp học viên nghiên cứu sâu các phương pháp tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp, các kỹ thuật và các công cụ quản lý thường được sử dụng khi điều hành một hệ thống sản xuất, các biện pháp nâng cao năng lực sử dụng lao động, các phương pháp lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và các phương pháp quản lý sản xuất hiện đại đang được áp dụng tại các nước công nghiệp phát triển như Nhật, Mỹ, Pháp... Quản trị vận hành giúp điều hành các hoạt động về lĩnh vực sản xuất hàng hóa và dịch vụ, Giữ vị trí sống còn trong doanh nghiệp và tạo ra của cải cho nền kinh tế toàn cầu.

### **11.8. Quản trị Nguồn nhân lực nâng cao**

Môn học này giúp học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp như phân tích công việc, hoạch định, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên, chế độ lương thưởng, đãi ngộ, điều kiện làm việc và quan hệ lao động;

Học phần quản trị nguồn nhân lực nâng cao cung cấp những kiến thức chuyên sâu như: các trường phái quản trị nguồn nhân lực và hoàn cảnh ra đời, tiếp cận hiện đại về quản trị nguồn nhân lực; hoạt động tìm kiếm và tuyển chọn nhân sự của các doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh về nhân lực ngày càng tăng và mở rộng phạm vi toàn cầu; công tác bố trí, sử dụng nguồn nhân lực theo tiếp cận đa trí tuệ, dụng nhân như dụng mộc; tạo dựng mô hình doanh nghiệp học tập thông qua đào tạo và phát triển nhân sự nội bộ; chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động thông qua đãi ngộ nhân sự nhằm thu hút và giữ chân người tài cho DN. Duy trì quan hệ lao động theo các thông lệ trong nước và quốc tế.

### **11.9. Kế toán quản trị**

Môn học giúp Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến kế toán quản trị, bao gồm: đối tượng, chức năng và các phương pháp sử dụng trong kế toán quản trị, phân loại chi phí và các phương pháp xác định chi phí, tính giá bán, xác định điểm hòa vốn, kết cấu mặt hàng, dự toán ngân sách

Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về kế toán quản trị, bao gồm: đối tượng, chức năng và các phương pháp dùng trong kế toán quản trị, phân loại chi phí và các phương pháp xác định chi phí; mối quan hệ giữa chi phí - lợi nhuận - khối lượng; phân tích hoà vốn, kết cấu mặt hàng; dự toán ngân sách trong hoạt động kinh doanh; phân tích biến động chi phí và phân bổ chi phí: biến động chi phí nguyên vật liệu, lao động và chi phí sản xuất chung, phương pháp phân bổ chi phí dịch vụ cho các bộ phận; định giá sản phẩm: giá sản phẩm sản xuất hàng loạt, giá bán trong ngành dịch vụ, giá bán sản phẩm mới; thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn và các quyết định đầu tư dài hạn.

### **11.10. Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao**

Học phần Quản trị tài chính Doanh nghiệp nâng cao nhằm giúp học viên hệ thống hoá những kiến thức cơ sở của quản trị tài chính doanh nghiệp: mục tiêu, những nội dung cơ bản và những công cụ quản trị tài chính. Phân tích được các báo cáo tài chính, từ đó đánh giá được thực trạng tài chính của doanh nghiệp trên các phương diện chủ yếu: khả năng thanh toán (thanh toán nợ) dài hạn và ngắn hạn, hiệu suất sử dụng tài sản, tỷ lệ lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ cấu vốn, giá trị thị trường và giá trị thực của doanh nghiệp; Những nội dung cơ bản về thị trường tài chính, hệ thống các thị trường, vai trò và phương thức hoạt động của thị trường tài chính; Phân tích được mối quan hệ giữa thị trường tài chính và tài chính doanh nghiệp; Nắm rõ được bản chất và xử lý các vấn đề cơ bản của quản trị tài chính hiện đại: quản lý rủi ro, chi phí vốn, hệ số rủi ro của các loại chứng khoán

v.v; Nắm vững những kỹ năng cơ bản trong thẩm định dự án đầu tư: xác định dòng tiền của dự án, các tiêu chí (các phương thức) đánh giá dự án đầu tư, những trường hợp đặc biệt, xếp hạng dự án đầu tư. Lựa chọn cơ cấu nguồn vốn tối ưu cho doanh nghiệp và xây dựng những nội dung cơ bản của chính sách tài chính doanh nghiệp. Một số công cụ quản trị tài chính hiện đại nhằm giảm thiểu rủi ro: quyền chọn (Option), giao dịch có kỳ hạn (Future - Forward), hoán đổi (Swap), v.v.

#### **11.11. Quản trị marketing nâng cao**

Học phần giúp học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến marketing trong doanh nghiệp; có kỹ năng phân tích khách hàng, sản phẩm, chính sách giá, đối thủ cạnh tranh, lựa chọn chiến lược marketing phù hợp cho doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh bất định và toàn cầu; Hiểu rõ Marketing chiến lược đóng vai trò quan trọng trong thành công của doanh nghiệp. Học phần cung cấp những quan điểm chuyên sâu và các quá trình gắn liền với chiến lược marketing định hướng thị trường, phương pháp phân tích tình huống, thiết kế và lựa chọn chiến lược, phát triển chiến lược sử dụng các công cụ của marketing - mix, cách thức tổ chức thực hiện và quản lý chiến lược theo định hướng thị trường.

#### **11.12. Quản trị thay đổi và rủi ro**

Học phần Quản trị Thay đổi và Rủi ro giúp học viên hiểu rõ thay đổi và phát triển trong tổ chức, các bước tiến hành thay đổi, quản trị sự thay đổi để chủ động phát triển, tái lập – con đường thay đổi để phát triển các doanh nghiệp, tạo ra sự liên tục thay đổi để phát triển. Nhận diện các nhân tố tác động đến thay đổi và lập kế hoạch thay đổi, các đặc trưng cơ bản của người lãnh đạo liên tục thay đổi.

Các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất-kinh doanh; hiểu rõ các nội dung của hoạt động quản trị rủi ro. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp các doanh nghiệp giữ vững và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất-kinh doanh, chủ động tránh được nhiều thiệt hại nhờ đã dự kiến trước. Học phần này trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính, rủi ro trong thẩm định và quản trị dự án, rủi ro tỉ giá, rủi ro trong đầu tư... được giới thiệu trong học phần để giúp người học có thêm hiểu biết và kinh nghiệm cụ thể về quản trị rủi ro cho các đối tượng này. Người học sẽ được tìm hiểu thêm về quản trị rủi ro cho các dự án lớn.

#### **11.13. Quản trị logistics và chuỗi cung ứng**

Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức nâng cao về dịch vụ Logistics, quản trị Logistics, quản trị chuỗi cung ứng, dịch vụ khách hàng và hệ thống thông tin Logistics.

Lập kế hoạch và quản lý hiệu quả quá trình mua hàng, tồn trữ, vận tải, phân phối hàng hóa nội địa và xuất khẩu...

Tìm nhà cung cấp, theo dõi các đơn hàng nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ, kế hoạch đặt hàng, xử lý các hóa đơn và các khoản thanh toán, các đơn hàng và các vấn đề phát sinh.

Bố trí không gian, tổ chức hoạt động kho hàng, tính toán và kiểm soát lượng hàng tồn kho, tối ưu hóa hoạt động kho hàng.

Thực hiện chuyên nghiệp các dịch vụ khách hàng, các hợp đồng dịch vụ Logistics, hợp đồng mua bán xuất nhập khẩu.

Quản lý khai thác dịch vụ Logistics phục vụ cho nhu cầu vận hành các chuỗi cung ứng của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế...

#### **11.14. Thương mại điện tử**

Môn học giới thiệu kiến thức về thương mại điện tử: khái niệm, mô hình thương mại điện tử, sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, tìm hiểu các chiến lược xây dựng thương mại điện tử cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau. Các kỹ thuật ứng dụng CNTT trong thương mại điện tử: thiết kế web, xây dựng hệ thống thanh toán. Quy định, pháp luật trong giao dịch điện tử và vấn đề an ninh trong giao dịch TMĐT, ...

#### **11.15. Quản trị chất lượng**

Học phần Quản trị chất lượng nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng trong sản xuất và dịch vụ. Sau khi học môn học này người học sẽ biết cách thực thi về mặt lý thuyết công tác quản trị chất lượng. Cụ thể là: Nắm được những vấn đề lý luận liên quan đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ cũng như hiểu rõ tầm quan trọng của quản trị chất lượng trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh. Nắm được các nguyên tắc và công cụ quản trị chất lượng để tổ chức triển khai và vận hành hệ thống quản trị chất lượng thông qua các hoạt động hoạch định, kiểm soát, đảm bảo và cải tiến chất lượng

Nắm được phương pháp kiểm tra và đánh giá chất lượng sản phẩm, dịch vụ và quá trình tạo sản phẩm/dịch vụ. Tổ chức tốt sự tham gia của mọi thành viên thông qua tạo môi trường văn hóa chất lượng

#### **11.16. Luật thương mại quốc tế**

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế. Môn học bao gồm 2 phần chính: Luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

Đối với môn học này, học viên sẽ được trang bị các kiến thức về:

Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế; Các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ; Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO; Thương mại dịch vụ và GATS; Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs; Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO; Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; Pháp luật về thanh toán quốc tế; Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân

### **11.17. Đạo đức kinh doanh & Văn hóa doanh nghiệp**

Học phần tập trung vào việc giới thiệu các nội dung của đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế, văn hóa Đông– Tây có sự giao thoa và ảnh hưởng lẫn nhau. Trên cơ sở đó xây dựng và triển khai các chương trình đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp trong tổ chức. Học phần có kết cấu thành 3 phần như sau: (i) Đạo đức kinh doanh: giới thiệu về khái niệm đạo đức kinh doanh, các triết lý về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của tổ chức. Đưa ra các nguyên tắc hoạt động để đưa chương trình đạo đức kinh doanh vào thực tiễn; (ii) Tổng quan về văn hoá doanh nghiệp: khái quát về văn hoá và bản sắc Việt Nam; tư duy văn hoá Phương Đông – Phương Tây; (iii) Xây dựng Văn hoá doanh nghiệp trên cơ sở triết lý hài hoà Đông – Tây bao gồm: tổng thể, tư duy, cấu trúc, môi trường và hành động trong văn hóa mạnh. Các mô hình văn hóa DN, Lựa chọn để xây dựng mô hình văn hóa phù hợp cho DN của mình.

### **11.18. Phân tích định lượng**

Học phần này giúp học viên Mô tả được các cách phân tích ra quyết định; Hiểu biết cách sử dụng các mô hình phân tích định lượng; Mô tả cách tiếp cận phân tích định lượng. Nắm vững Sáu bước trong quá trình ra quyết định; Hiểu được Cơ sở của các mô hình lý thuyết ra quyết định. Sử dụng được các giá trị xác suất để ra quyết định trong môi trường có rủi ro. Biết cách Xây dựng được cây quyết định một cách chính xác và hữu dụng. Sử dụng máy tính để giải quyết các bài toán phức tạp; Hiểu các giả định căn bản và các tính chất của quy hoạch tuyến tính (LP), Giải các bài toán về Quy hoạch tuyến tính ở mức độ nhỏ và vừa. Hiểu được cách lập kế hoạch, giám sát và kiểm soát các dự án bằng sơ đồ PERT. Xác định được thời gian sớm nhất, muộn nhất hoàn thành sự kiện, thời gian dự trữ và thời gian hoàn tất.

### **11.19. Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh quốc tế**

Học phần này giúp học viên nắm vững kỹ năng mềm quan trọng nhất để thành công trong kinh doanh. Học phần gồm 2 phần chính:

Phần 1: Giao tiếp - Giúp học viên hiểu rõ Cấu trúc của hoạt động giao tiếp, các nguyên tắc trong giao tiếp, đặc biệt là giao tiếp phi ngôn ngữ.

Phần 2: Đàm phán trong kinh doanh- giúp học viên nắm vững bản chất, đặc điểm, nguyên tắc của đàm phán, các hình thức đàm phán, qua đó biết cách xây dựng chiến lược đàm phán, chuẩn bị ngôn ngữ đàm phán, chuẩn bị thông tin đàm phán, chuẩn bị thời gian và địa điểm đàm phán, chuẩn bị năng lực đàm phán, thiết lập mục tiêu cần đàm phán, đánh giá swot, đàm phán thử, xây dựng batna để đàm phán thành công.

### **11.20. Quản trị kinh doanh quốc tế**

Học phần giúp học viên hiểu được môi trường kinh doanh quốc tế đương đại mà các tổ chức kinh doanh quốc tế đang phải đối mặt hiện nay; hiểu được quá trình toàn cầu hóa và những tác động của nó đến kinh tế của từng quốc gia, cũng như hoạt động kinh doanh của từng công ty. Giúp học viên hiểu về động cơ của các tập đoàn đa quốc gia trong việc thúc

đẩy hoạt động đầu tư quốc tế; hình thành chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng toàn cầu dẫn đến sự phân công lao động quốc tế tối ưu trong chuỗi. Cập nhật những xu hướng kinh doanh quốc tế mới nhất và các yếu tố thúc đẩy kinh doanh quốc tế trong bối cảnh hội nhập. Ngoài ra còn khái quát những rủi ro trong hoạt động kinh doanh quốc tế, các cuộc khủng hoảng kinh tế. Giúp học viên đánh giá được lợi thế và bất lợi trong việc tham gia vào các khu vực trong phát triển kinh tế quốc gia, phát triển ngành và phát triển khu vực kinh tế; đánh giá được những tác động và sự phức tạp của thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế đến hoạt động kinh doanh của công ty.

### **11.21. Tài chính quốc tế**

Tài chính quốc tế cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về lĩnh vực tài chính quốc tế theo hướng tiếp cận phân tích kinh tế và ứng dụng của tài chính quốc tế trong hoạt động kinh doanh ngày nay.

Cấu trúc môn học gồm 3 phần chính:

- Phần I bao gồm các cơ sở lý thuyết nền tảng của tài chính quốc tế. Phần này sẽ làm rõ và nhấn mạnh mối liên kết chặt chẽ và tương tác liên tục giữa các thị trường và nền kinh tế các nước thông qua các lý thuyết về quan hệ ngang bằng quốc tế giữa giá cả, lãi suất và tỷ giá. Các yếu tố tác động tỷ giá, mô hình tiền tệ về tỷ giá, và các phương pháp dự báo tỷ giá cũng được làm rõ trong phần I.

- Phần II khảo sát khung cảnh và cấu trúc môi trường tiền tệ và tài chính toàn cầu. Trong phần này, hệ thống các thị trường tiền tệ tài chính toàn cầu là các nội dung sẽ được phân tích. Phần này cũng đề cập vấn đề lưu chuyển vốn quốc tế và kiểm soát lưu chuyển vốn quốc tế của chính phủ các nước.

- Phần III sẽ chú trọng đến thực hành tài chính quốc tế trong kinh doanh toàn cầu, trong đó hoạt động tài chính của doanh nghiệp quốc tế và quản trị rủi ro tỷ giá sẽ được làm rõ.

### **11.22. Toàn cầu hóa và chính sách kinh tế đối ngoại của Việt Nam**

Học phần này giúp học viên hiểu tính tất yếu khách quan của Toàn cầu hóa, các khía cạnh khác nhau trong cuộc tranh luận về “Toàn cầu hóa” hiện nay. Xem xét các đánh giá về tác động của “Toàn cầu hóa” đối với các quốc gia ở các trình độ phát triển khác nhau dưới góc nhìn của các học giả, các nhà hoạch định chính sách và các nguồn khác. Nội dung trọng tâm của môn học sẽ xoay quanh mối liên hệ của các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, cũng như tìm lời giải đáp cho những vấn đề phát sinh trong quá trình toàn cầu hóa, các tác động của Toàn cầu hóa đến trật tự thế giới và các yếu tố cấu thành của trật tự này: nhà nước, xã hội, các tổ chức quốc tế và các nhân tố kinh tế. Từ đó, tìm hiểu chính sách kinh tế đối ngoại của Chính phủ VN qua từng thời kỳ thể hiện qua các hiệp định thương mại, các quy định về tài chính và tiền tệ, cùng các hành động trong WTO, EU, ASIAN, Mỹ...

### **11.23. Chuyên đề**

Các chuyên đề sẽ được lựa chọn mang tính thời sự, nhằm giúp học viên cập nhật kiến thức, có cái nhìn tổng quan về tình hình kinh tế trong nước cũng như trên thế giới, giúp học viên đưa ra những phán đoán, dự báo và quyết định hiệu quả cho doanh nghiệp, giúp DN phát triển bền vững.

Nhà trường sẽ mời những chuyên gia giỏi, những nhà kinh tế nổi tiếng về từng vấn đề trình bày, thảo luận.

#### **11.24. Luận văn**

- Luận văn của chương trình theo định hướng nghiên cứu là một báo cáo khoa học có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo;

- Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

- Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

- Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa.

